

MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI ĐỐI VỚI HIỆN TƯỢNG ĐA NGHĨA

Nguyễn Thị Thu Hà

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: hanhphung1982@yahoo.com

Ngày nhận bài: 4/6/2018; ngày hoàn thành phản biện: 02/7/2018; ngày duyệt đăng: 02/7/2019

TÓM TẮT

Đa nghĩa là một phổ quát ngữ nghĩa, nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu từ rất sớm và là một nội dung quan trọng trong các giáo trình từ vựng học tiếng Việt. Tuy nhiên các giáo trình thường chỉ dừng lại ở cách tiếp cận truyền thống. Bài báo thể hiện một cái nhìn xuyên suốt đối với đa nghĩa thông qua việc chỉ các cách tiếp cận khác nhau đối với hiện tượng này – từ cách tiếp cận truyền thống cho đến cách tiếp cận mới mẻ của ngữ nghĩa học tri nhận; thử nghiệm áp dụng cách tiếp cận mới của ngữ nghĩa học tri nhận (với mô hình *phạm trù đường rọi* của Lakoff) vào tìm hiểu một từ đa nghĩa trong tiếng Việt cũng là một nội dung của bài báo này.

Từ khóa: Đa nghĩa, Lí thuyết về đa nghĩa, Phạm trù đường rọi

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ là một hệ thống vô cùng phức tạp và đồ sộ nhưng ngôn ngữ đồng thời cũng có một khả năng tiết kiệm hết sức kì diệu: dùng cái hữu hạn để biểu hiện cái vô hạn. Hiện tượng được Bréal (1897) đặt cho cái tên “đa nghĩa” (polysemy) là một minh chứng. Nếu không có hiện tượng này thật khó hình dung chúng ta sẽ phải lưu giữ trong óc một khối lượng vốn từ nhiều đến mức nào để có thể gọi tên cho từng sự vật, hiện tượng, hoạt động, quá trình, trạng thái, tính chất v.v. xung quanh chúng ta.

Đa nghĩa là một phổ quát ngữ nghĩa được giới ngôn ngữ học bàn đến từ rất sớm song đa nghĩa chưa bao giờ là hiện tượng cũ vì quan niệm về đa nghĩa, cách tiếp cận hiện tượng này của các trường phái có những khác biệt, thậm chí cùng một trường phái nhưng vẫn khác nhau qua các tác giả. Bài viết này giúp chúng ta có được cái nhìn sâu chuỗi, xuyên suốt đối với hiện tượng này từ quá khứ với cách tiếp cận của ngữ nghĩa học truyền thống đến hiện tại với những quan niệm mới mẻ của ngữ nghĩa học tri nhận.

2. NỘI DUNG

2.1. Các cách tiếp cận đối với hiện tượng đa nghĩa

2.1.1. Cách tiếp cận của ngữ nghĩa học truyền thống

Trên thế giới, Lyons (1977), Ullman Stephen (1979), Pustejovsky (1995),... là những tác giả tiêu biểu cho việc tiếp cận hiện tượng này theo quan niệm của ngữ nghĩa học truyền thống. Ở Việt Nam, Nguyễn Văn Tu, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thiện Giáp cũng tiếp cận đa nghĩa theo hướng này. Đa nghĩa được Lyons (1977) xem là “một mẫu từ vựng có nhiều nghĩa khác nhau mà những nghĩa này có liên quan đến nhau”.

Mặc dù có những hạn chế, nhưng ngữ nghĩa học truyền thống đã phát hiện ra những quá trình phát triển ý nghĩa cơ bản mà ngữ nghĩa học hiện đại không thể bác bỏ đó là các quá trình mở rộng và thu hẹp ý nghĩa (xét từ quy luật logic) và quá trình chuyển đổi tên gọi bằng ẩn dụ và hoán dụ (dựa trên quy luật liên tưởng). Ngoài ra, ngữ nghĩa học truyền thống cũng có những đóng góp nhất định khi phân biệt hiện tượng đa nghĩa và đồng âm.

Như vậy, đa nghĩa từ lâu đã được ngữ nghĩa học truyền thống quan tâm tuy nhiên người ta chỉ mới dừng lại ở việc miêu tả những nghĩa khác nhau của một từ đa nghĩa, mà không hướng trọng tâm vào việc giải thích tại sao và bằng cách nào mà những nghĩa này được tạo ra, và không giải thích được tại sao việc các nghĩa của một từ đa nghĩa được nhóm hợp lại với nhau không phải là một sự tình cờ.

Các nhà ngôn ngữ học bấy giờ, thực ra, chỉ mới xem xét nó ở hiện tượng bề mặt: Hoặc là “cồng vào” từ vựng của các nghĩa, hoặc là một thiết bị sản sinh nghĩa cho từ (như cách tiếp cận “vốn từ vựng sản sinh” “generative lexicon” của Pustejovsky 1995). Theo đó, đa nghĩa chỉ là một hiện tượng phụ, xuất hiện từ một hình thức đơn nghĩa, từ đó phái sinh các nghĩa khác nhau nhưng vẫn ở trong một phạm vi nghĩa của hình thức đơn nhất đó. Sự phái sinh này có cơ sở từ ngữ cảnh, ý đồ của người nói hoặc do người nghe suy luận qua thời gian dần ổn định và được thừa nhận. Thoạt nhìn qua, cách tiếp cận này có vẻ hợp lý, song nhiều thực tế cho thấy thật khó giải thích tại sao từ một từ với nghĩa gốc liên quan đến không gian như “*over – above: trên*” trong tiếng Anh (như trong câu: *The helicopter is hovering over the hill = Máy bay trực thăng đang bay trên đồi*) lại mở rộng ngữ nghĩa thành một nghĩa phi không gian như “*over- control: chi phối, chế ngự*” (như trong ví dụ: *She has strange power over me = Cô ta có một sức mạnh kì lạ chi phối tôi*). Rõ ràng câu này không miêu tả một kịch cảnh không gian, không có nghĩa là *Cô ấy* được định vị “trên” *tôi* trong không gian.

Lakoff (1987), theo cách tiếp cận tri nhận, cho rằng, sở dĩ có câu chuyện này bởi “*over*” được lưu trữ như là một phạm trù của các nghĩa khác nhau hơn là một nghĩa đơn nhất, như vậy, đa nghĩa phản ánh sự tổ chức ý niệm và tồn tại ở cấp độ của một biểu tượng tinh thần hơn là một hiện tượng bề mặt. Theo đó, đa nghĩa, về cơ bản là

một hiện tượng ý niệm. Sự tổ chức từ vựng ở cấp độ tinh thần đã quyết định đa nghĩa khi nó thể hiện trong ngôn ngữ.

Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu cách tiếp cận có năng lực giải thích lớn đối với hiện tượng này – cách tiếp cận của ngữ nghĩa học tri nhận.

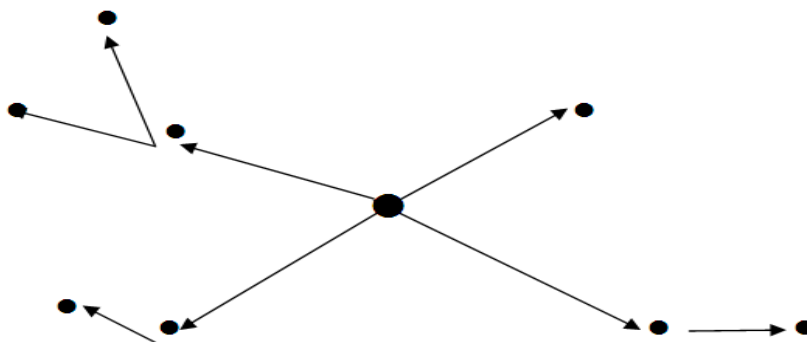
2.1.2. Cách tiếp cận mới của ngữ nghĩa học tri nhận

a) Mô hình *Chuỗi nghĩa* (meaning chains) của Taylor

Ý tưởng đa nghĩa được hình dung như một gia đình mà ở đó các nghĩa thành viên có những nét giống nhau của Austin (1965, dẫn theo Ibarretxe-Antunano 1999) được nhà ngôn ngữ học tri nhận Taylor (1995) vận dụng.

Taylor đã giải thích đa nghĩa như một phạm trù gia đình (mà ở đó các thành viên có những nét “hao hao” nhau) bằng mô hình được gọi là *chuỗi nghĩa* - “meaning chains”: $A \rightarrow B \rightarrow C \rightarrow D \dots$ Taylor hình dung đa nghĩa là một chuỗi nghĩa, theo đó một từ có thể có những nghĩa khác nhau: A, B, C, D... nghĩa A là nguồn sinh ra nghĩa B, đến lượt mình B sinh ra C và cứ thế. Theo mô hình này, một mắt xích nào của chuỗi cũng có thể là nguồn xuất hiện của bất kì nghĩa mới nào. Trên thực tế khó tìm được từ đa nghĩa thỏa mãn mô hình này.

b) Mô hình *phạm trù đường rọi* (radical categories) của Lakoff (1987)



Lakoff xem đa nghĩa là một phạm trù, phạm trù đường rọi (*radical categories*, cách dịch của Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng 2005; Lý Toàn Thắng dịch là *phạm trù tỏa tia*). Một phạm trù đường rọi là một **phạm trù ý niệm**, ở đó có một ý niệm trung tâm và các ý niệm biên, liên quan đến trung tâm (nhưng có thể không trực tiếp tỏa ra từ trung tâm). Sự mở rộng của ý niệm trung tâm không phải tùy tiện, ngẫu nhiên mà có cơ sở tri nhận phản ánh vốn kinh nghiệm của con người. Các ý niệm đó phản ánh vào ngôn ngữ, cụ thể hóa thành các nghĩa khác nhau của cùng một đơn vị từ vựng nhưng liên quan đến nhau, trong đó có nghĩa trung tâm hơn, điển dạng hơn và có những nghĩa ít trung tâm, ít điển dạng, nghĩa là thuộc vào vùng biên hay ngoại vi. Theo mô hình trên, mỗi nghĩa của từ đa nghĩa được biểu thị bằng một vòng tròn đen, mỗi vòng tròn đen là một mắt lưới, nghĩa trung tâm (vòng tròn đen to nhất) chiếm giữ vị trí

Một cách tiếp cận mới đối với hiện tượng đa nghĩa

trung tâm và được xem là nghĩa điển dạng, một số nghĩa trong mạng lưới gần trung tâm hơn những nghĩa khác, các nghĩa này tập trung thành từng cụm, mũi tên cho thấy hướng dẫn đến nghĩa phái sinh ngữ nghĩa.

Rõ ràng các nghĩa của một từ đa nghĩa cũng bộc lộ hiệu quả về tính điển dạng như bất kì phạm trù tri nhận nào khác. Chẳng hạn, đối với *over*, nghĩa “*above: trên*” ở ví dụ 1 sẽ được số đông người bản ngữ tri nhận, liên tưởng đến ngay hơn là nghĩa “*control: chi phối*” ví dụ 2.

Tyler và Evans (2003) cũng theo cách tiếp cận của ngữ nghĩa học tri nhận đã chú ý hơn đến việc bằng cách nào thiết lập được nghĩa trung tâm (tiêu biểu, điển hình). Theo các tác giả, cần căn cứ vào những tiêu chí sau:

- Nghĩa được chứng thực có mặt sớm nhất (dựa vào những bằng chứng lịch sử của từ).

- Nghĩa nổi trội nhất trong mạng lưới ngữ nghĩa, nghĩa này có liên quan nhiều nhất, thường xuyên nhất đến những nghĩa còn lại (có thể xem đây là quan hệ hướng nội).

- Nghĩa được xét có quan hệ phân hóa ngữ nghĩa trực tiếp với các từ khác trong cùng một trường, tức là nó cùng với những các từ khác lập nên một bộ đối lập trong hệ thống: quan hệ hướng ngoại). Chẳng hạn, *over* sẽ phân hóa ngữ nghĩa và lập nên bộ đối lập với các từ trong cùng hệ thống như *above, under, below*.

Theo chúng tôi, cần tính thêm tiêu chí về sự tri nhận của người bản ngữ, đó phải là nghĩa được số đông người bản ngữ nghĩ đến đầu tiên, chẳng hạn: trong tiếng Việt, khi nói đến động từ *nghĩ*, chúng ta sẽ nghĩ nhiều đến *một hoạt động tinh thần cần nhiều sự nỗ lực của trí óc* như trong câu *nghĩ cách giải bài toán, nghĩ mưu, nghĩ kế* trước khi nghĩ đến nó với tư cách của một động từ tâm lí tình cảm như trong *đi xa lúc nào cũng nghĩ (nhớ) về mẹ, nghĩ về quê hương*.

Mặc dù sự thiết lập nghĩa trung tâm không phải lúc nào cũng đạt đến sự nhất trí giữa các nhà nghiên cứu (chẳng hạn, trong khi Lakoff cho rằng nghĩa trung tâm của *over* là “*above- cross: trên-qua*” thì Kreitzer (1997) chỉ thừa nhận nghĩa trung tâm của *over* là “*above:trên*”) song hướng tiếp cận đa nghĩa này đã cho thấy những ưu điểm sau:

- Các nghĩa có liên quan đến nhau không chỉ khác nhau về ngữ nghĩa (như cách tiếp cận truyền thống) mà quan trọng hơn, vai trò ngữ nghĩa của chúng cũng khác nhau: có nghĩa chiếm giữ vị trí trung tâm, có nghĩa chỉ “quanh quẩn” ở vùng ngoại vi;

- Cách tiếp cận này có khả năng giải thích đa nghĩa đã khởi phát như thế nào, và câu trả lời đó là: các nghĩa ít điển dạng phái sinh từ các nghĩa điển dạng hơn, các nghĩa điển dạng vì thế sẽ có sự mở rộng ngữ nghĩa nhờ cơ chế tri nhận: cơ chế ẩn dụ ý niệm hoặc cải biến lược đồ hình ảnh;

- Đa nghĩa là sản phẩm của quá trình ý niệm hóa, phản ánh sự tổ chức ý niệm (gồm ý niệm trung tâm và ý niệm biên) tồn tại ở cấp độ tinh thần, biểu hiện ra ngoài bằng ngôn ngữ gắn liền với ngữ cảnh nhất định. Cách tiếp cận này cho thấy đa nghĩa không chỉ là vấn đề thuần túy ngôn ngữ, hay thuần túy bề mặt, đồng thời cũng không phải đối diện với vấn đề hóc búa nếu tiếp cận theo hướng ngữ nghĩa học truyền thống, đó là: Một sắc thái nghĩa phát triển, mở rộng đến mức nào thì được coi là một ý nghĩa riêng biệt, có thể độc lập để gia nhập vào hệ thống như các nghĩa ổn định khác.

c) Thử nghiệm vận dụng mô hình phạm trù đường rọi vào miêu tả một từ đa nghĩa trong tiếng Việt

Chúng tôi lựa chọn động từ *nghĩ* để minh họa cho cách tiếp cận mới này. *Nghĩ* một từ đa nghĩa trong tiếng Việt, điều này được một số tập thể biên soạn từ điển như Văn Tân, Thanh Nghị, Lê Văn Đức, Hoàng Phê tiếp cận theo hướng của ngữ nghĩa học truyền thống thừa nhận và giải nghĩa như sau: *nghĩ*

1. Vận dụng trí tuệ vào những gì đã nhận biết được, rút ra nhận thức mới để có ý kiến, sự phán đoán, thái độ. "*nghĩ cách đôi phở*"
2. Nhớ đến, tưởng đến. "*nghĩ về cha mẹ*"
3. Cho là, cho rằng (sau khi đã nghĩ). "*Mình vẫn nghĩ là anh ấy sẽ đến.*"

(Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, 2010)

Thứ tự trình bày các nghĩa của một từ đa nghĩa trong từ điển nhiều lúc không phản ánh hết mối liên hệ ngữ nghĩa giữa các nghĩa, dễ gây cho người ta cảm giác nghĩa 1 phái sinh ra nghĩa 2, nghĩa 2 phái sinh ra nghĩa 3, nghĩa 3 phái sinh ra nghĩa 4... (như mô hình chuỗi nghĩa của Taylor). Trên thực tế, các nghĩa phái sinh có thể **đồng thời** đến từ nghĩa gốc chứ không phải từ một nghĩa đã phái sinh khác.

Cách tiếp cận đa nghĩa truyền thống trù xuất nghĩa của *nghĩ* vào ba nghĩa 1, 2, 3 vô hình trung đã giới hạn sự phong phú của các ý niệm có liên quan đến hoạt động phức hợp này trong các ngữ cảnh, chẳng hạn *nghĩ* với các ý niệm khác nhau trong các ngữ cảnh sau:

- i) **Tưởng tượng, ngờ** (*Không ai nghĩ bánh chưng có thể đi Tây*)
- ii) **Liên tưởng** (*Hình ảnh "người rừng trở về đô thị" của Đinh Thùy làm ta nghĩ đến hình ảnh con Kinh Kông khổng lồ trong phim Mĩ vào thành phố*)
- iii) **Phát minh** (*Thương cha nghĩ ra máy thở*)
- iv) **Dự định** (*Em đã nghĩ tới việc mua vàng vì tới đây vàng có thể sẽ lên*)
- v) **Mong ước, khao khát** (*Xa quê, lúc nào cũng nghĩ đến ngày đoàn tụ*)

Một cách tiếp cận mới đối với hiện tượng đa nghĩa

vi) **Nhớ** - tình cảm, vd: *Những ngày tháng rong ruổi ở thành phố, gã chỉ một điều nghĩ đến con*)

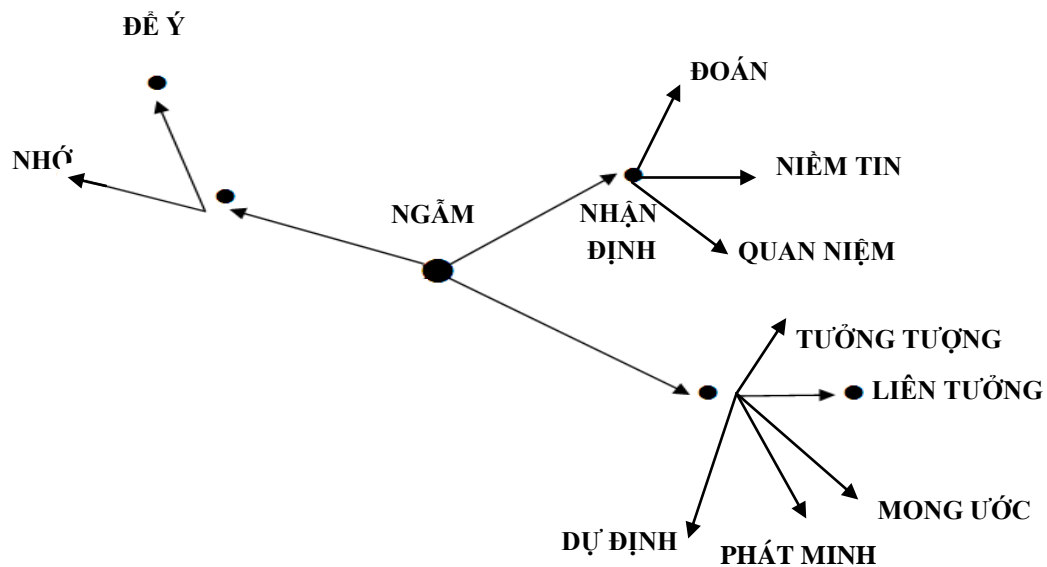
vii) **Nhớ lại** - nhận thức (*Nàng đổ mặt nghĩ đến ông giáo bảo rằng đàn bà là đồng xương khô lại bật cười*)

viii) **Quan niệm** (*Thôi đi thầy, nhân gian bây giờ khác rồi mà thầy vẫn nghĩ theo lối cũ*)

ix) **Đoán** (*Cậu nghĩ là ai gọi? - Tớ nghĩ là anh ta*)

Khắc phục hạn chế trên, ngữ nghĩa học tri nhận xem NGHĨ là một phạm trù ý niệm với các tiêu ý niệm NGÃM, ĐOÁN, QUAN NIỆM, DỰ ĐỊNH, PHÁT MINH... lập thành một mạng lưới ý niệm/ngữ nghĩa, trong đó NGÃM là ý niệm/ngữ nghĩa trung tâm, điển dạng, từ đây phái sinh ra những ý niệm/ngữ nghĩa thuộc vào vùng biên, ngoại vi. Chẳng hạn đối với *nghĩ - ngẫm* sẽ được số đông người bản ngữ tri nhận hơn là *nghĩ - để ý, lưu tâm* hay *nghĩ - tưởng tượng v.v.*, vì vậy, *nghĩ - ngẫm* là nghĩa nổi trội nhất trong mạng lưới ngữ nghĩa, nghĩa này có liên quan nhiều nhất, thường xuyên nhất đến những nghĩa còn lại.

Chúng ta có thể mô hình hóa cấu trúc đa nghĩa của *nghĩ* theo cách tiếp cận của ngữ nghĩa học tri nhận với mô hình *phạm trù đường rọi* của Lakoff như sau:



Có thể thấy, một ý niệm NGHĨ điển hình luôn gắn với ý niệm trung tâm là NGÃM, ý niệm này cho thấy đây là hoạt động có sự cân nhắc, xem xét, tính toán kỹ lưỡng. Ý niệm NGÃM dễ mở rộng vào địa bàn của NHẬN ĐỊNH vì theo logic người ta chỉ có NHẬN ĐỊNH sau khi đã suy nghĩ kỹ. NGÃM còn là một quá trình tinh thần nhận thức phức tạp, tích hợp và khởi động nhiều quá trình nhận thức khác (ĐOÁN, DỰ ĐỊNH, PHÁT MINH, TƯỜNG TƯỢNG, NHỚ LẠI). NGÃM đồng thời cũng

chuyển di sang lĩnh vực đan xen nhận thức – tình cảm (ĐỂ Ý + NHỚ). Nó vừa là kết quả của trạng thái tình cảm NHỚ (vì NHỚ + ĐỂ Ý nên NGHĨ), vừa là hoạt động tạo ra kết quả NHỚ (muốn NHỚ thì phải tiến hành NGHĨ, ĐỂ Ý đến điều gì đó thì phải NGHĨ đến nó).

KẾT LUẬN

i) Việc tiếp cận lí thuyết đa nghĩa từ ngữ nghĩa học truyền thống và ngữ nghĩa học tri nhận giúp chúng ta hình dung đầy đủ hơn quang cảnh ngôn ngữ học của hiện tượng này. Mỗi cách tiếp cận có những khó khăn của nó. Nếu cách tiếp cận bề mặt của ngữ nghĩa truyền thống chỉ dừng lại ở việc miêu tả các nghĩa, phân chia các nghĩa nhưng chưa lí giải được đa nghĩa đến từ đâu thì ngữ nghĩa học tri nhận đã bù đắp sự thiếu hụt này bằng quan niệm đa nghĩa là một phạm trù ý niệm với ý niệm trung tâm và ngoại vi, trong đó, ý niệm ngoại vi đến từ trung tâm, ý niệm tồn tại ở cấp độ tinh thần quyết định sự thể hiện nó trên mặt bằng ngôn ngữ, từ đó ta có nghĩa trung tâm và nghĩa ngoại vi.

ii) Cùng tiếp cận theo hướng tri nhận, nhưng so với *mô hình chuỗi nghĩa* thì *mô hình đường rọi* tỏ ra hợp lí để xem xét hiện tượng đa nghĩa của từ bởi theo mô hình này, các nghĩa phái sinh không nhất thiết được sản sinh theo một trình tự 1→2→3→4 mà các nghĩa phái sinh có thể đến cùng một nghĩa điển dạng/trung tâm duy nhất

iii) Chúng tôi vận dụng *mô hình phạm trù đường rọi* của Lakoff để miêu tả *nghĩ* - một từ đa nghĩa trong tiếng Việt, và bước đầu đã xác định được ý niệm nào là trung tâm của NGHĨ, được đa số người bản ngữ tri nhận cũng như chỉ ra được một số các ý niệm biên xung quanh ý niệm trung tâm này, dĩ nhiên cách giải quyết này luôn gắn với vai trò ngữ cảnh mà ở đó *nghĩ* xuất hiện, chứ không phải là các nghĩa của *nghĩ* được trừu xuất khỏi ngữ cảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Lyons John (1977), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, bản dịch 2006, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Ullman Stephen (1977), *Nguyên lí ngữ nghĩa học*, bản dịch của Viện Ngôn ngữ học 1979-Phòng Thông tin – Ngôn ngữ học, Hà Nội.
- [5]. Iraide Ibarretxe – Antunano, B (1999), *Polysemy and Metaphor in Perception verbs: A cross-linguistics study*, PhD Dissertation, University of Edinburgh.
- [6]. Lakoff G (1987), *Women, Fire and Dangerous Things. What Categories Reveal about the Mind*. Chicago and London: Chicago University Press

Một cách tiếp cận mới đối với hiện tượng đa nghĩa

- [7]. Taylor J (1995), *Linguistic Categorisation. Prototypes in Linguistics Theory*, Cambridge University Press.
- [8]. Tyler A & Evans V (2003), *The semantics of English prepositions*, Cambridge, U.K, Cambridge Press.

A NEW APPROACH TO POLYSEMY

Nguyen Thi Thu Ha

Faculty of Literature and Linguistics, University of Sciences, Hue University

Email: hanhphung1982@yahoo.com

ASBTRACT

Polysemy is a semantic universal that has been researched by the linguists since early times and one of the most important contents in the textbooks of Vietnamese lexicology. However, these textbooks only focus on traditional approach to polysemy. The article will outline a historical view to the semantic phenomenon – from traditional approach to cognitive semantics; applying the theory of polysemy of cognitive semantics (use of the concept of *radical categories* by Lakoff) to do research on a polysemous word in Vietnamese language.

Keywords: polysemy, theory of polysemy, radical categories



Nguyễn Thị Thu Hà sinh ngày 15/11/1982 tại Thừa Thiên Huế. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Ngữ văn năm 2004 và thạc sĩ chuyên ngành Lí luận Ngôn ngữ tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế vào năm 2008. Bà đã bảo vệ luận án tiến sĩ năm 2017 tại Đại học Huế. Từ năm 2004 đến nay, bà là cán bộ giảng dạy tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Từ vựng học, Ngữ nghĩa học, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.